

Số: 289/QĐ-TDTTHCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch học tập, Thời khóa biểu,
Lịch học và tiến độ học tập năm học 2025 - 2026

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 3656/QĐ-BVHTTDL ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1646/QĐ-BVHTTDL ngày 26 tháng 06 năm 2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy định phân cấp quản lý công tác tổ chức cán bộ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 148/NQ-HĐT ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. Hồ Chí Minh về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu Tổ chức của Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-TDTTHCM ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ Đại học của Trường Đại học Thể dục thể thao Tp. Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo và Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành Kế hoạch, Thời khóa biểu, Lịch học và tiến độ học tập năm học 2025-2026 (Có văn bản kèm theo).

Điều 2: Trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường chỉ đạo, tổ chức triển khai Kế hoạch, Thời khóa biểu, Lịch học và tiến độ học tập năm học 2025-2026 đảm bảo đúng quy định. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các Ông (Bà): Trưởng phòng Hành chính, Tổng hợp; Trưởng phòng Đào tạo và Hợp tác quốc tế; Trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Đảng ủy, Hội đồng trường (để báo cáo);
- Như điều 4;
- Lưu: VT, DH, TMH(20).

HIỆU TRƯỞNG



TS. Võ Quốc Thắng

Ghi chú: I: Thi Dt: Dự trữ N: Nghỉ : Tuần có ngày lễ lớn

1. **Tuần công dân các khóa ĐHCQ cũ:** 03/9/2025 đến 13/9/2025. Thực học HK I: 15/9/2025 đến 07/02/2026.
Thực học HK II: 02/3/2026 đến 27/6/2026.

2. **K48 nhập học đến hết 07/9/2025. Tuần công dân:** 08/9/2025 đến 13/9/2025.
- Thực học HK I: 15/9/2025 đến 07/02/2026. Thực học HK II: 02/3/2026 đến 27/6/2026.
- Học Quốc phòng và an ninh: 15/9/2025 đến 11/10/2025.

3. **Ngày Tết** dự kiến từ ngày 08/02/2026 ĐẾN 01/3/2026. (Mùng 1 tết âm lịch: Thứ 3 ngày 17/2 dương lịch).

4. **Sinh viên K45** thực tập tổng nghiệp dự kiến từ ngày 02/3/2026 đến 25/4/2026.
- Học môn thay thế KL: 19/01/2026 đến 16/5/2026.

5. **Sinh viên đăng ký môn tự chọn tại khoa./**

TS. VÕ QUỐC THẮNG

TS. VÕ QUỐC THẮNG

TS. VÕ QUỐC THẮNG

ĐẠI HỌC CHÍNH K48

HIỆU TRƯỞNG



5. VÕ QUỐC THẮNG

5. Sinh viên đăng ký môn tự chọn tại khoa./.

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THỜI KHOÁ BIỂU

HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025 - 2026 - QUÝ THỜI GIAN HKI (2025 - 2026): 01/9/2025 - 07/02/2026
Dự kiến nghỉ tết được nghỉ tết từ ngày 09/02/2026 đến hết ngày 29/02/2026 (tức 1 bất đầu từ ngày 02/02/2026)
(Kèm theo Quyết định số: 289/QĐ-TĐT-HCM ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh)

Thứ	Tết	ĐẠI HỌC 45			ĐẠI HỌC 46			ĐẠI HỌC 47			ĐẠI HỌC 48			Thứ	Tết	
		Khối A	Khối B	Khối C	Khối A	Khối B	Khối C	Khối A (Không có lớp)	Khối B	Khối C	Khối A	Khối B	Khối C			
Thứ 2	1	Bóng bàn (60 tiết) (27/10 - 03/10)	B182 Lịch sử Bóng (30 tiết) (09/9 - 09/10) F. 304 B182 Sinh cơ (30 tiết) (27/10 - 28/10) F. 304	C1 Quên lý TDTT (30 tiết) (08/12 - 10/10) F. 304 C2 Tư tưởng HCM (30 tiết) (27/10 - 28/10) F. 304	Phổ tu Bơi lội 3 (60 tiết) (05/9 - 22/10)	B182 PP NCHN (30 tiết) (09/9 - 09/10) F. 305 B182 Giáo dục học TT (30 tiết) (28/12 - 24/01) F. 305 B182 LL và PP HLT (30 tiết) (09/9 - 27/12) F. 304	C2 Lịch sử TDTT & Olympic (30 tiết) (01/12 - 03/10) F. 305	Tâm lý Lứa tuổi (45 tiết) (08/12 - 01/10) F. 305		C2 Xã hội học (45 tiết) (27/10 - 20/12) F. 306 C1 Toàn thống kê (30 tiết) (09/12 - 01/10) F. 306		Lao động (08/09 - 07/02)	Huấn luyện chuyên sâu (30 tiết) Hợp từ B182 đến 24/01	C1 Vệ sinh (30 tiết) (09/10 - 09/10) F. 305 C2 Khoa học QL (45 tiết) (07/11 - 10/10) F. 305	1	2
	2															3
	3	Giáo tiếp SP (30 tiết) (05/9 - 09/10) F. 305	B184 Lịch sử Bóng (30 tiết) (09/9 - 09/10) F. 304 B184 Sinh cơ (30 tiết) (27/10 - 28/10) F. 304	C2 Marketing (45 tiết) (07/11 - 10/10) F. 304 C1 Học hành xã hội (45 tiết) (07/11 - 10/10) F. 305	Sinh cơ TDTT (30 tiết) (09/9 - 09/10) F. 306 Xã hội học TDTT (30 tiết) (20/10 - 22/10) F. 306	Huấn luyện chuyên sâu (30 tiết) Hợp từ B182 đến 27/12	C2 Giáo dục học BC (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306 C2 Luật TDTT (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306 C2 Tâm lý TDTT (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306	Thế thao chuyên ngành (30 tiết) Hợp từ 08/09 đến 09/11	B182 Giáo dục học BC (45 tiết) (09/10 - 20/12) F. 306 B182 Huấn luyện BM & TL (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306 B182 Bơi lội (30 tiết) (24/11 - 29/12) F. 306	C2 Quên lý (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306 C2 Bơi lội (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306 C1 Bơi lội TDTT (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306 C1 Dạy học CS (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306	Điền kinh 1 (30 tiết) (09/10 - 24/10)	C1 Điền kinh (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306 C2 Điền kinh (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306 C1 Điền kinh (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306 C1 Điền kinh (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306	C1 Điền kinh (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306 C1 Điền kinh (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306 C1 Điền kinh (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306 C1 Điền kinh (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306	C1 Điền kinh (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306 C1 Điền kinh (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306 C1 Điền kinh (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306 C1 Điền kinh (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306	3	4
	4															5
	5	Lự luận và PP TTHH (30 tiết) (08/12 - 10/10) F. 305	Huấn luyện chuyên sâu (30 tiết) Hợp từ B182 đến 27/12	C1 Dạy học TT (30 tiết) (09/12 - 10/10) F. 305 C2 Kỹ năng chuyên môn TT (45 tiết) (09/12 - 09/10) F. 304	PP NCHN (30 tiết) (09/9 - 09/10) F. 306 Giáo dục học TDTT (30 tiết) (20/10 - 22/10) F. 306 Tư tưởng HCM (30 tiết) (24/11 - 27/12) F. 306	B184 LL và PP HLT (30 tiết) (09/9 - 27/12) F. 304 B184 PP NCHN (30 tiết) (09/9 - 09/10) F. 305 B184 Giáo dục học TT (30 tiết) (28/12 - 24/01) F. 305	C2 Thế thao GT (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306 C2 Quên lý CS TDTT (45 tiết) (09/12 - 24/01) F. 306	Bơi lội TT (30 tiết) (09/10 - 09/10) F. 305 Vệ sinh học (30 tiết) (09/10 - 20/12) F. 305	B182 Giáo dục học BC (45 tiết) (09/10 - 20/12) F. 306 B182 Huấn luyện BM & TL (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306 B182 Bơi lội (30 tiết) (24/11 - 29/12) F. 306	C1 Điền kinh (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306 C1 Điền kinh (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306 C1 Điền kinh (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306 C1 Điền kinh (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306	Thế đấu 1 (30 tiết) (09/10 - 24/10)	C1 Điền kinh (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306 C2 Điền kinh (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306 C1 Điền kinh (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306 C1 Điền kinh (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306	C1 Điền kinh (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306 C1 Điền kinh (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306 C1 Điền kinh (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306 C1 Điền kinh (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306	Phổ tu Điền kinh (30 tiết) (24/11 - 29/10)	5	6
	6															7
	7	Thế thao chuyên ngành (30 tiết) Hợp từ B182 đến 22/11		C1 Bơi lội học và TC (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 304 C1 Giáo dục Y học TT (30 tiết) (27/10 - 28/10) F. 304	Phổ tu Bóng ném (30 tiết) (07/11 - 24/10)	Tự chọn thực hành (30 tiết) (07/11 - 07/10)		Bơi lội 1 (30 tiết) (08/09 - 29/12)	B4 Bơi lội (30 tiết) (24/11 - 29/12)	C1 Sinh hóa 2 (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306 C1 Điền kinh (45 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306 C2 marketing các môn (30 tiết) (28/12 - 09/10) F. 306		Lao động (08/09 - 07/02)	C1 Trắc học Mắc Lành (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306 C2 Trắc học Mắc Lành (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306	C1 Trắc học Mắc Lành (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306 C2 Trắc học Mắc Lành (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306	7	8
	8															9
	9															10
	10															11
Thứ 3	1		B182 Y học TDTT (45 tiết) (07/11 - 10/10) F. 304	C2 Quên lý sinh cơ (45 tiết) (27/10 - 20/12) F. 304	Thế thao chuyên ngành (30 tiết) Hợp từ B182 đến 22/11	B182 LL và PP HLT (30 tiết) (09/9 - 27/12) F. 305	C2 Kinh tế TDTT (45 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306 C1 Thế đấu điền kinh (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306 C1 Bơi lội học và TC (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306		Nghệ thuật 3 (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306 F. 10102.2025.2010.2025.2025 B7 Bơi lội (30 tiết) (24/11 - 29/12) F. 306	C2 Bơi lội (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306	Trắc học Mắc Lành (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306	Huấn luyện chuyên sâu (30 tiết) Hợp từ B182 đến 24/01	C1 Trắc học Mắc Lành (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306	1	2	
	2		B184 Y học TDTT (45 tiết) (07/11 - 10/10) F. 304	C1 Phục hồi CN vận lý tại Nhà (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 304 C1 Học tập TT (45 tiết) (27/10 - 20/12) F. 304	Phổ tu Bóng ném (30 tiết) (07/11 - 24/10)	Huấn luyện chuyên sâu (30 tiết) Hợp từ B182 đến 27/12	C1 Nghệ thuật (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306 C1 Bơi lội học và TC (45 tiết) (27/10 - 20/12) F. 306	Thế đấu 3 (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306	B1 Bơi lội (30 tiết) (24/11 - 29/12) F. 306 B182 Giáo dục học BC (45 tiết) (09/10 - 20/12) F. 306 B182 Huấn luyện BM & TL (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306	PP NCHN trong QL.TDTT (45 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306	F. 2025.2025	C1 Trắc học Mắc Lành (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306 C2 Trắc học Mắc Lành (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306	C1 Trắc học Mắc Lành (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306 C2 Trắc học Mắc Lành (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306	C1 Trắc học Mắc Lành (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306 C2 Trắc học Mắc Lành (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306	3	4
	3															5
	4															6
	5															7
	6															8
	7															9
	8															10
	9															11
	10															12
Thứ 4	1		B182 Y học TDTT (45 tiết) (07/11 - 10/10) F. 304	C2 Quên lý sinh cơ (45 tiết) (27/10 - 20/12) F. 304	Thế thao chuyên ngành (30 tiết) Hợp từ B182 đến 22/11	B182 LL và PP HLT (30 tiết) (09/9 - 27/12) F. 305	C2 Kinh tế TDTT (45 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306 C1 Thế đấu điền kinh (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306 C1 Bơi lội học và TC (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306		Nghệ thuật 3 (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306 F. 10102.2025.2010.2025.2025 B7 Bơi lội (30 tiết) (24/11 - 29/12) F. 306	C2 Bơi lội (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306	Trắc học Mắc Lành (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306	Huấn luyện chuyên sâu (30 tiết) Hợp từ B182 đến 24/01	C1 Trắc học Mắc Lành (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306	1	2	
	2		B184 Y học TDTT (45 tiết) (07/11 - 10/10) F. 304	C1 Phục hồi CN vận lý tại Nhà (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 304 C1 Học tập TT (45 tiết) (27/10 - 20/12) F. 304	Phổ tu Bóng ném (30 tiết) (07/11 - 24/10)	Huấn luyện chuyên sâu (30 tiết) Hợp từ B182 đến 27/12	C1 Nghệ thuật (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306 C1 Bơi lội học và TC (45 tiết) (27/10 - 20/12) F. 306	Thế đấu 3 (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306	B1 Bơi lội (30 tiết) (24/11 - 29/12) F. 306 B182 Giáo dục học BC (45 tiết) (09/10 - 20/12) F. 306 B182 Huấn luyện BM & TL (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306	PP NCHN trong QL.TDTT (45 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306	F. 2025.2025	C1 Trắc học Mắc Lành (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306 C2 Trắc học Mắc Lành (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306	C1 Trắc học Mắc Lành (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306 C2 Trắc học Mắc Lành (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306	C1 Trắc học Mắc Lành (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306 C2 Trắc học Mắc Lành (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306	3	4
	3															5
	4															6
	5															7
	6															8
	7															9
	8															10
	9															11
	10															12
Thứ 5	1		B182 Y học TDTT (45 tiết) (07/11 - 10/10) F. 304	C2 Quên lý sinh cơ (45 tiết) (27/10 - 20/12) F. 304	Thế thao chuyên ngành (30 tiết) Hợp từ B182 đến 22/11	B182 LL và PP HLT (30 tiết) (09/9 - 27/12) F. 305	C2 Kinh tế TDTT (45 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306 C1 Thế đấu điền kinh (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306 C1 Bơi lội học và TC (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306		Nghệ thuật 3 (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306 F. 10102.2025.2010.2025.2025 B7 Bơi lội (30 tiết) (24/11 - 29/12) F. 306	C2 Bơi lội (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306	Trắc học Mắc Lành (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306	Huấn luyện chuyên sâu (30 tiết) Hợp từ B182 đến 24/01	C1 Trắc học Mắc Lành (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306	1	2	
	2		B184 Y học TDTT (45 tiết) (07/11 - 10/10) F. 304	C1 Phục hồi CN vận lý tại Nhà (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 304 C1 Học tập TT (45 tiết) (27/10 - 20/12) F. 304	Phổ tu Bóng ném (30 tiết) (07/11 - 24/10)	Huấn luyện chuyên sâu (30 tiết) Hợp từ B182 đến 27/12	C1 Nghệ thuật (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306 C1 Bơi lội học và TC (45 tiết) (27/10 - 20/12) F. 306	Thế đấu 3 (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306	B1 Bơi lội (30 tiết) (24/11 - 29/12) F. 306 B182 Giáo dục học BC (45 tiết) (09/10 - 20/12) F. 306 B182 Huấn luyện BM & TL (30 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306	PP NCHN trong QL.TDTT (45 tiết) (09/12 - 09/10) F. 306	F. 2025.2025	C1 Trắc học Mắc Lành (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306 C2 Trắc học Mắc Lành (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306	C1 Trắc học Mắc Lành (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306 C2 Trắc học Mắc Lành (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306	C1 Trắc học Mắc Lành (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306 C2 Trắc học Mắc Lành (45 tiết) (09/10 - 09/10) F. 306	3	4

9